



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 03 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thử Nghiệm – Ban Đảm bảo chất lượng

Laboratory: Testing Laboratory – Quality Assurance Department

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy Sữa Đà Nẵng

Organization: Branch of Viet Nam Dairy Products Joint Stock Company –
Da Nang Dairy Factory

Số hiệu/Code: VILAS 683

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria: ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Sinh, Hóa

Field: Biological, Chemical

Người quản lý: Hồ Nam

Laboratory manager: Ho Nam

Hiệu lực công nhận/
Period of validation: Kể từ ngày /03/2026 đến ngày /03/2031

Địa chỉ/ Address: Lô Q, đường số 7, khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hải Vân,
thành phố Đà Nẵng
Lot Q, Street No. 7, Hoa Khanh Industrial Zone, Hai Van Ward,
Da Nang City

Địa điểm/Location: Lô Q, đường số 7, khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hải Vân,
thành phố Đà Nẵng
Lot Q, Street No. 7, Hoa Khanh Industrial Zone, Hai Van Ward,
Da Nang City

Điện thoại/ Tel: (084) 023 6259777

E-mail: vinamilk@vinamilk.com.vn

Website: www.vinamilk.com.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 683

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Sữa và sản phẩm sữa <i>Milk and milk products</i>	Định lượng tổng vi sinh vật hiếu khí bằng đĩa Petrifilm <i>Enumeration of aerobic plate count using Petrifilm™ count plate</i>		TCVN 9977:2013 (AOAC 990.12)
2.		Định lượng nấm men và nấm mốc bằng phương pháp màng khô có thể hoàn nước (phương pháp Petrifilm™) <i>Enumeration of yeast and mold by dry rehydratable film method (Petrifilm™ method)</i>		TCVN 7852:2008 (AOAC 997.02)
3.		Định lượng <i>Enterobacteriaceae</i> bằng đĩa Petrifilm™ <i>Enumeration of Enterobacteriaceae using Petrifilm™ count plate</i>		TCVN 9980:2013 (AOAC 2003.01)
4.		Định lượng <i>Enterobacteriaceae</i> Phần 2: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Enterobacteriaceae Part 2: Colony count technique</i>		ISO 21528-2:2017
5.		Định lượng Coliforms Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Coliforms Colony-count technique</i>		TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
6.		Định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính β -glucuronidaza Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-bromo-4-clo-3-indolyl β -D-glucuronid <i>Enumeration of β-glucuronidase-positive Escherichia coli Colony-count technique at 44 °C using 5-bromo-4-chloro-3-indolyl β-D-glucuronide</i>		TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 683**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
7.	Sữa và sản phẩm sữa <i>Milk and milk products</i>	Định lượng <i>Clostridium perfringens</i> Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Clostridium perfringens</i> <i>Colony - count technique</i>		TCVN 4991:2005
8.		Định lượng nhanh <i>Staphylococcus aureus</i> Phương pháp Petrifilm™ 3M™ <i>Enumeration of Staphylococcus aureus</i> <i>3M™ Petrifilm™ method</i>		TCVN 12655:2019

Ghi chú/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia/*Vietnamese Standard*
- ISO: Tổ chức tiêu chuẩn hoá Quốc tế/*The International Organization for Standardization*
- AOAC: Hiệp hội hợp tác phân tích quốc tế/*Association of Official Analytical Collaboration*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 683****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa****Field of Testing: Chemical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Sữa và sản phẩm sữa <i>Milk and milk products</i>	Xác định hàm lượng chất khô tổng số Phương pháp chuẩn <i>Determination of total solids content Reference method</i>	(9 ~ 30) %	TCVN 8082:2013 (ISO 6731:2010)
2.		Xác định hàm lượng Nito Phần 1: Nguyên tắc Kjeldahl và tính protein thô <i>Determination of Nitrogen content Part 1: Kjeldahl principle and crude protein calculation</i>	(0,5 ~ 90) %	TCVN 8099- 1:2015 (ISO 8968-1:2014)
3.	Sữa và sản phẩm sữa, sữa đặc có đường <i>Milk and milk products, Sweetened condensed milk</i>	Xác định hàm lượng chất béo Phương pháp khối lượng <i>Determination of fat content Gravimetric method</i>	Đến/To: 20 %	ISO 23318/ IDF 249:2022
4.	Sữa đặc có đường <i>Sweetened condensed milk</i>	Xác định hàm lượng chất khô tổng số Phương pháp chuẩn <i>Determination of total solids content Reference method</i>	(60 ~ 90) %	TCVN 8081:2013 (ISO 6734:2010)
5.		Xác định hàm lượng Sucroza Phương pháp đo phân cực <i>Determination of Sucrose content Polarimetric method</i>	(30 ~ 60) %	TCVN 5536:2007 (ISO 2911:2004)
6.		Xác định độ axit Phương pháp chuẩn độ (phương pháp Terner) <i>Determination of titratable acidity Titration method (Terner method)</i>	Đến/to: 70° T	TCVN 8080:2009
7.	Sữa chua <i>Yogurt</i>	Xác định hàm lượng chất khô tổng số Phương pháp chuẩn <i>Determination of total solids content Reference method</i>	(9 ~ 40) %	TCVN 8176:2009 (ISO 13580:2005)

Ghi chú/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia/*Vietnamese Standard*
- ISO: Tổ chức tiêu chuẩn hoá Quốc tế/*The International Organization for Standardization*

Trường hợp Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy Sữa Đà Nẵng cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy Sữa Đà Nẵng phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Branch of Viet Nam Dairy Products Joint Stock Company - Da Nang Dairy Factory that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

